

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC (HSX: CVT)

Bùi Đức Duy

Chuyên viên phân tích

Email: duybd@fpts.com.vn

Điện thoại: (+84.24) – 3773 7070 - Ext: 4307

Biến động giá CVT & VNIndex



| Thông tin giao dịch | 14/05/2019 |
|---------------------------------|------------|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 20.900 |
| Giá cao nhất 52 tuần (VNĐ/CP) | 35.650 |
| Giá thấp nhất 52 tuần (VNĐ/CP) | 17.750 |
| Số lượng CP niêm yết (triệu CP) | 36,69 |
| Số lượng CP lưu hành (triệu CP) | 36,69 |
| KLGD BQ 30 ngày (CP/ngày) | 185.533 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 13,78 |
| Vốn hóa (tỷ VND) | 770,5 |
| EPS trailing | 4.462 |
| P/E trailing | 4,65 |

| Tổng quan doanh nghiệp | |
|------------------------|--|
| Tên | Công ty cổ phần CMC |
| Địa chỉ | Lô B10 – B11 KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP. Việt Trì – Phú Thọ |
| Doanh thu chính | Sản xuất & kinh doanh sản phẩm gạch ốp |
| Chi phí chính | Chi phí nguyên vật liệu (cao lanh, tràng thạch fenspat, than cám & khí LPG), chi phí nhân công & khấu hao tài sản cố định. |
| Lợi thế cạnh tranh | Hệ thống phân phối rộng qua đại lý cạnh tranh (hơn 70 đại lý cấp 1); sản phẩm kích cỡ lớn. |
| Rủi ro chính | Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào và nhiên liệu (than cám & khí LPG) |

| Cơ cấu cổ đông ngày 14/05/2019 | (%) |
|---|-------|
| CTCP Chứng khoán ngân hàng Công Thương Việt Nam | 10,90 |
| Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam | 10,33 |
| Ông Nguyễn Quang Huy | 6,73 |
| Tổng CTCP Sông Hồng | 4,17 |
| Ông Dương Quốc Chính | 3,72 |
| Khác | 64,15 |

CẬP NHẬT ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kết thúc năm 2018, tổng doanh thu của CVT đạt 1.553 tỷ đồng (91,4% KH2018 & 123,5% TH2017). Sản lượng sản xuất & tiêu thụ đạt lần lượt 17,6 & 17,3 triệu m². Trong đó, cụ thể, ngói tiêu thụ 546,6 nghìn m² (+18,6% yoy) & tiêu thụ gạch ốp lát các loại 16,7 triệu m² (+20,1% yoy).

Lợi nhuận trước thuế 2018 đạt 203,2 tỷ đồng, tương đương tỉ lệ thực hiện 78,2% KH2018 & 93,4% so với cùng kỳ 2017. Tỉ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu đạt 19,7%; giảm mạnh 4,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính đến từ: (1) Giá bán gạch ốp lát tiếp tục giảm, kể cả đối với mẫu gạch cỡ lớn; (2) Hai sản phẩm gạch muối tan & vi tinh có biên lợi nhuận gộp cao nhưng tiêu thụ thấp hơn nhiều so với kì vọng; (3) Giá nhiên liệu đầu vào tăng mạnh trong quý 2 & quý 3 trong năm.

Hoạt động đầu tư dự kiến triển khai trong năm 2019. CVT dự kiến đầu tư bổ sung một dây chuyền sản xuất ngói gốm tại nhà máy CMC2 ([chi tiết](#)) với công suất 3 – 5 triệu m²/năm & tổng mức đầu tư 120 tỷ đồng trong quý 3 năm nay.

ĐHCĐ thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018: trả cổ tức bằng tiền 2.500 đồng/cp; trích quỹ đầu tư phát triển 8,1 tỷ đồng (tương đương 5% LNST 2018) & trích quỹ khen thưởng phúc lợi 8,1 tỷ (tương đương 5% LNST 2018).

Năm 2019, CVT đặt kế hoạch tổng doanh thu đạt 1.700 tỷ đồng & lợi nhuận trước thuế 220 tỷ đồng với mức tăng trưởng lần lượt 9,5% & 8,4% so với thực hiện 2018.

KHUYẾN NGHỊ: Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền và so sánh P/E, chúng tôi xác định giá mục tiêu của một cổ phiếu CVT là **24.300 VNĐ/cp**, cao hơn **16%** so với mức giá hiện tại. Kết hợp với đánh giá triển vọng doanh nghiệp, chúng tôi khuyến nghị **THEO DÕI** đối với cổ phiếu CVT cho mục tiêu trung hạn và **MUA** tại mức giá **20.300 đồng** (tương ứng mức sinh lời kì vọng 20%) ([Chi tiết](#))

Yếu tố theo dõi:

- Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2019 kém khả quan. Mặc dù tổng doanh thu dự kiến tăng 6% so với TH2018, thị trường xây dựng dân dụng dự báo giảm tốc trong 2019 cùng với giá bán giảm đối với hầu hết sản phẩm chủ lực sẽ tác động tiêu cực lên lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hai sản phẩm thấm muối tan và vi tinh là động lực chính gia tăng lợi nhuận trong bối cảnh ngành gạch ốp lát hiện tại. Trong năm 2019, chúng tôi dự kiến CVT có thể tiêu thụ được 700.000 m², tương đương mức đóng góp doanh thu 175 tỷ đồng.

Rủi ro đầu tư:

- Rủi ro biến động tăng của nhiên liệu đầu vào (than và khí LPG)

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

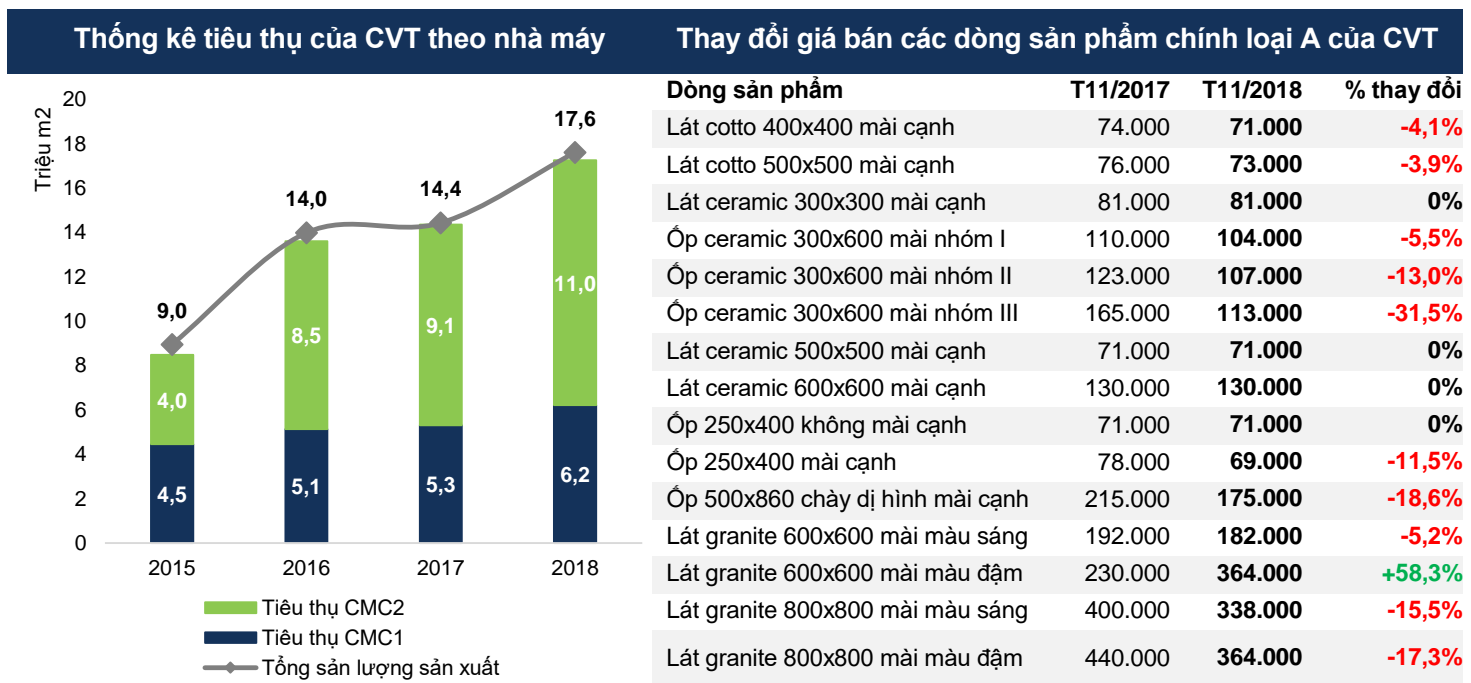
| Đơn vị: Tỷ VND | 2017 | 2018 | %YoY | KH 2018 | % KH | FPTS dự phóng | Nhận xét |
|-----------------------------|----------------|----------------|--------------|--------------|--------------|----------------|--|
| Tổng doanh thu | 1.257,2 | 1.553,0 | 23,5% | 1.700 | 91,4% | 1.447,4 | Sản lượng bán hàng tăng trưởng mạnh, đạt 17,3 triệu m ² (+20,1% yoy) trong đó tiêu thụ ngói 546,6 nghìn m ² (+18,6% yoy) & gạch ốp lát các loại 16,7 triệu m ² (+20,1% yoy). |
| Doanh thu thuần | 1.181,1 | 1.450,9 | 22,8% | | | 1.352,2 | Giá bán trung bình đạt 89.937 đ/m ² (+2,8% so với mức trung bình 2017 là 87.514 đ/m ²). Mức tăng nhẹ đến từ các sản phẩm gạch thẻ trang trí có mức tăng giá bán trung bình 331,0% & từ giá bán cao của sản phẩm mới vi tinh & thẩm muối tan mặc dù sản lượng bán ra ở mức khiêm tốn khoảng 250.000 m ² . |
| Giá vốn hàng bán | 899,6 | 1.164,5 | 29,4% | | | 1.068,2 | |
| Lợi nhuận gộp | 281,5 | 286,4 | 1,7% | | | 284,0 | Giá bán các sản phẩm gạch lát cỡ lớn nhìn chung giảm cùng với chi phí giá than (nhiên liệu) tăng mạnh trong hai quý 2 & 3 đã co hẹp biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Đồng thời, việc chạy thử & vận hành bãi phối liệu tại CMC2-3 khiến giá thành sản xuất tăng mạnh do số lượng sản phẩm hỏng & chất lượng thấp. |
| Doanh thu tài chính | 3,8 | 0,9 | -76,3% | | | 3,9 | |
| Chi phí tài chính | 27,5 | 37,5 | 36,4% | | | 36,0 | Chi phí lãi vay tăng chủ yếu đến từ việc các khoản vay ngắn hạn của CVT trong năm phục vụ bổ sung vốn lưu động. |
| Chi phí lãi vay | 27,4 | 34,8 | -27,0% | | | 34,6 | |
| Chi phí bán hàng | 7,8 | 11,1 | 42,3% | | | 6,8 | |
| Chi phí quản lý | 41,1 | 39,1 | -4,9% | | | 47,3 | |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 208,9 | 199,5 | -4,5% | | | 197,7 | |
| Lợi nhuận khác | 8,6 | 3,6 | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 217,5 | 203,2 | -6,6% | 260 | 78,2% | 204,1 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 43,7 | 41,2 | | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế | 173,8 | 162,0 | -6,8% | | | 163,3 | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 23,8% | 19,7% | | | | 21,0% | |
| CP bán hàng/Doanh thu | 0,7% | 0,8% | | | | 0,5% | |
| CP quản lý/Doanh thu | 3,5% | 2,7% | | | | 3,5% | |
| Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD | 17,7% | 13,8% | | | | 14,6% | |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế | 14,7% | 11,2% | | | | 12,1% | |

Nguồn: BCTC hợp nhất CVT 2018, FPTS Tổng hợp.

Sản lượng bán hàng tiếp tục tăng trưởng tốt 20,1%, giá bán gạch ốp lát nhìn chung giảm.

Mặc dù thị trường gạch ốp lát 2018 tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp sản xuất, sản lượng sản xuất & tiêu thụ của CVT vẫn có sự tăng trưởng ấn tượng; đạt 17,6 & 17,3 triệu m², tăng lần lượt 22,2% & 20,1% yoy. Cụ thể:

- **Nhà máy CMC1 – Sản xuất gạch cotto, ceramic ốp lát các kích thước 300, 400; gạch thẻ & ngói nung**
Trong năm 2018, doanh nghiệp đã chủ động đẩy mạnh sản xuất sản phẩm gạch thẻ trang trí nội ngoại thất & ngói nung. Đây là các sản phẩm hiện đang có khả năng tiêu thụ tốt & giá bán tăng so với năm 2017. Cụ thể, theo báo cáo giá vật liệu xây dựng tháng 12/2018 tại tỉnh Phú Thọ, giá gạch thẻ trang trí dao động từ 75.000 đến 210.000 đồng/hộp, mức tăng trung bình lên tới 331,0% so với T12/2017. Giá ngói nung cũng ước tính tăng nhẹ từ 1% - 1,5% trong cùng thời gian. Tại CMC1, sản lượng sản xuất 2018 đạt 5,2 triệu m² (+7,4% yoy, tỉ trọng sản xuất: 9,4% ngói & 90,6% gạch ốp lát). Về tình hình tiêu thụ, xuất bán tại CMC1 đạt 6,2 triệu m² (+17% yoy, trong đó 8,8% ngói & 91,2% gạch ốp lát).
- **Nhà máy CMC2 – Sản xuất gạch cotto, ceramic và granite ốp lát các kích thước 500, 600 và 800**
Sản lượng sản xuất là 11,9 triệu m² (+32,2% yoy) & xuất bán 11,0 triệu m² (+20,9% yoy). Sản phẩm tiêu thụ chính trong năm 2018 là nhóm gạch ốp lát ceramic và granite kích thước 600x600 mài cạnh & mài bóng nano. Về giá bán, đối với các chủng loại gạch cotto & ceramic giá đã giảm trung bình lần lượt 1,7% & 3,6%. Đối với granite loại A, giá giảm trung bình 8,7% đối với 800x800 và 600x600 mài bóng nano nhóm I & II. Trong khi đó, dòng 600x600 mài bóng nano nhóm III có giá bán tăng mạnh 67% so với 2017.



Nguồn: BCTN CVT, Sở xây dựng tỉnh Phú Thọ, FPTS Tổng hợp.

Việc chủ động nắm bắt thị trường và tăng tỉ trọng các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn với giá bán không thay đổi nhiều hoặc tăng nhẹ so với 2017 giúp CVT có mức tăng trưởng doanh thu tốt 23,5% so với 2017. Tuy nhiên, mức thực hiện doanh thu chỉ đạt 91,4% kế hoạch năm 2018 do tiêu thụ hai dòng sản phẩm vi tinh và thẩm muối tan thấp hơn so với kì vọng của doanh nghiệp. Sản lượng tiêu thụ hai sản phẩm này trong năm 2018 chỉ ở mức 200 – 300 nghìn m² so với kì vọng 1 triệu m² khi đặt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do việc chạy thử mất nhiều thời gian khiến sản phẩm chỉ đưa ra thị trường từ quý 3/2018, đồng thời do đây là sản phẩm mới nên việc định hình thương hiệu cũng như công tác làm thị trường đòi hỏi thời gian để mang lại hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, ban lãnh đạo CVT đặt kế hoạch tổng doanh thu 1.700 tỷ đồng (tăng 9,5% so với thực hiện 2018) & lợi nhuận trước thuế 220 tỷ đồng, tương đương mức tăng 8,4% so với lợi nhuận trước thuế 2018.

| STT | Chỉ tiêu | KH2018 | TH 2018 | KH 2019 | % +/- |
|-----|-------------------------------|--------|---------|---------|-------|
| 1 | Doanh thu hợp nhất | 1.700 | 1.553 | 1.700 | 9,5% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 260 | 203 | 220 | 8,4% |

Nguồn: ĐHCĐ CVT năm 2019, FPTS Tổng hợp.

Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

- Trả cổ tức bằng tiền 2.500 – 3.000 đ/cp
- Trích quỹ khen thưởng & phúc lợi 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019
- Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019

Chúng tôi dự kiến tổng doanh thu CVT năm 2019 đạt 1.665 tỷ đồng (tương đương 97,9% KH2019 & 107,2% TH2018) & lợi nhuận trước thuế ở mức 209,1 tỷ đồng (tương đương 95% KH2019 & 102,9% TH2018).

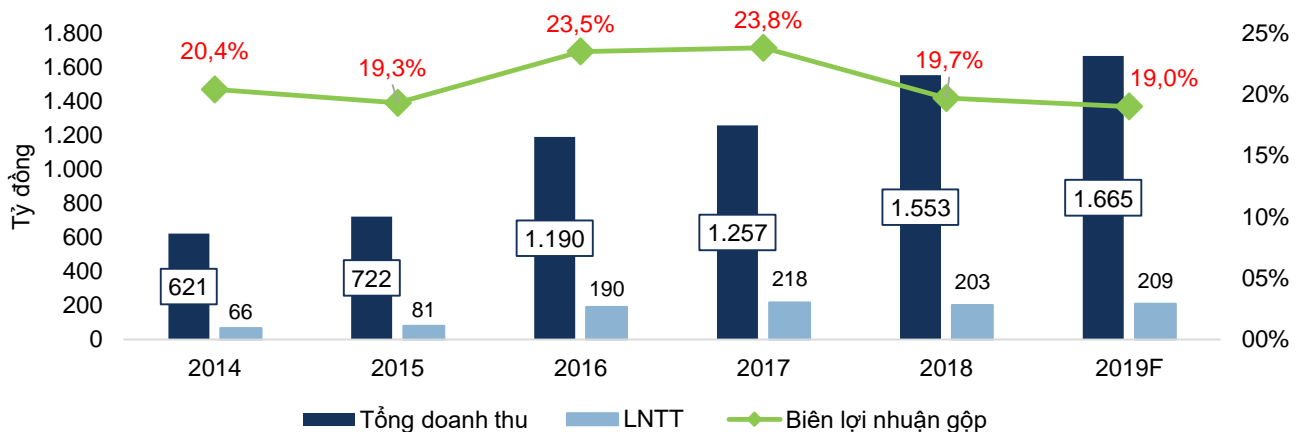
VỀ DOANH THU:

- Theo báo cáo quý 1/2019, tăng trưởng giá trị thực 2019 của ngành xây dựng nhà ở Việt Nam dự kiến chỉ đạt 5,8%; con số thấp hơn nhiều so với mức 7,5% của năm 2018. Nhu cầu tiêu thụ của thị trường tăng trưởng chậm lại sẽ khiến tình hình cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường thêm gay gắt. Chúng tôi dự phóng sản lượng sản xuất và tiêu thụ của CVT năm 2019 lần lượt đạt 17,7 triệu m² và 17,5 triệu m² (+1,1% yoy). Theo đó, sản lượng bán hàng của CVT dự kiến duy trì tăng nhẹ nhờ tiêu thụ gạch thẻ và ngói tại CMC1 cũng như các sản phẩm ceramic và granite 60x60 đang được tiêu thụ tốt. Đối với sản phẩm thẩm muối tan và vi tinh, mức đóng góp doanh thu ước tính 175 tỷ đồng, tương đương 700 nghìn m² trong năm 2019.
- Giá bán trung bình 2019 các sản phẩm cotto và ceramic KT 300x300, 400x400, 250x400, 300x450 dự kiến ở mức 62.250 đồng/m² dự kiến giảm 1,8% (tương đương mức giảm trong 2018). Tại CMC2, giá trung bình 2019 của gạch ceramic các KT 500x500, 600x600 và 800x800 dự kiến giảm 2,5% trong khi granite cùng KT dự phóng tăng 2,0% dựa trên mức tăng giảm trong năm 2018.

VỀ LỢI NHUẬN:

- Biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp dự kiến ở mức 19% cho năm 2019 dựa trên các luận điểm sau: (1) Tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ vật liệu ốp lát chậm lại so với các năm trước tiếp tục khiến CVT phải giảm giá bán để đảm bảo tiêu thụ và giảm lượng hàng tồn kho theo định hướng từ năm 2018 của doanh nghiệp; (2) Rủi ro giá nhiên liệu, cụ thể than cám và khí LPG biến động thất thường trong năm có thể làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp, dẫn đến thu hẹp biên lợi nhuận gộp.

Dự phóng kết quả kinh doanh 2019



III. KHUYẾN NGHỊ, KẾT QUẢ ĐỊNH GIÁ & GIẢ ĐỊNH CẬP NHẬT ([quay lại](#))

Bằng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền tự do, chúng tôi cập nhật mức giá mục tiêu của CVT là **24.300 VNĐ/cp** (+16% so với giá đóng cửa ngày 13/05/2019). Chúng tôi khuyến nghị **THEO DÕI** với cổ phiếu CVT.

Kết quả định giá

| STT | Phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền | Kết quả (VNĐ/cp) | Trọng số |
|---|---|------------------|---------------|
| 1 | Dòng tiền tự do chủ sở hữu (FCFE) | 24.722 | 40% |
| 2 | Dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF) | 24.037 | 40% |
| STT | Phương pháp định giá so sánh | Kết quả (VNĐ/cp) | Trọng số |
| 1 | So sánh P/E | 23.840 | 20% |
| Bình quân giá các phương pháp (VNĐ/cp) | | | 24.300 |

Mức giá mục tiêu của CVT tăng 19,1% so với báo cáo cập nhật định giá tháng 11/2018 (20.400VNĐ/cp). Mức giá mục tiêu tăng đến từ các thay đổi trong giả định chiết khấu của mô hình định giá và giả định hoạt động kinh doanh.

Cập nhật định giá tháng 11/2018:

| Giả định mô hình | Giá trị | Giả định mô hình | Giá trị |
|-----------------------------------|---------|---------------------|---------|
| WACC | 12,16% | Phần bù rủi ro | 11,37% |
| Chi phí sử dụng nợ | 8,53% | Hệ số Beta | 0,59 |
| Chi phí sử dụng VCSH | 15,61% | Tăng trưởng dài hạn | 1% |
| Lãi suất phi rủi ro kì hạn 10 năm | 5,18% | Thời gian dự phóng | 5 năm |

Cập nhật:

| Giả định mô hình | Giá trị | Giả định mô hình | Giá trị |
|-----------------------------------|---------|---------------------|---------|
| WACC | 11,30% | Phần bù rủi ro | 10,00% |
| Chi phí sử dụng nợ | 7,29% | Hệ số Beta | 0,66 |
| Chi phí sử dụng VCSH | 14,60% | Tăng trưởng dài hạn | 1% |
| Lãi suất phi rủi ro kì hạn 10 năm | 4,79% | Thời gian dự phóng | 5 năm |

Cập nhật thay đổi giả định kinh doanh cho năm 2019:

| Chỉ tiêu | Báo cáo cập nhật định giá T11/2018 | Báo cáo cập nhật đại hội cổ đông 2019 | Diễn giải |
|--|---|--|--|
| Tổng doanh thu (Tỷ VNĐ) | 1.570 | 1.665 | |
| - Sản lượng tiêu thụ 2018 (triệu m ²) | 16,6 | 17,3 | Trong năm 2018, CVT đã có mức tăng trưởng tốt về sản lượng bán hàng: 18,6% với ngói và 20,1% với gạch ốp lát. Với việc tiếp tục chú trọng vào các sản phẩm tiêu thụ tốt là gạch thẻ, ceramic và granite 600x600 cùng chính sách tăng chiết khấu cho đại lí, Chúng tôi kì vọng CVT sẽ có tăng trưởng về sản lượng bán trong năm 2019, tuy nhiên mức tăng chỉ khoảng 1,2% do nhu cầu tăng trưởng chậm lại, tiêu thụ sản phẩm mới còn chậm trong khi nhà máy đã chạy tới 98% công suất. |
| - Sản lượng tiêu thụ 2019 (triệu m ²) | 17,2 | 17,5 | |
| - Giả định giá bán gạch ốp lát trung bình tại CMC1 (đ/m ²) | 72.100 | 80.500 | Giá bán gạch thẻ trang trí theo báo cáo giá vật liệu xây dựng cả năm 2018 tăng hơn 3 lần, đạt 114 nghìn đ/m ² ; dẫn đến giá bán trung bình gạch ốp lát CMC1 tăng. |
| - Giá bán gạch granite trung bình tại CMC2 (không tính giá sản phẩm mới) (đ/m ²) | 100.600 | 114.100 | Giá bán gạch granite 600x600 nhóm màu đậm theo báo cáo giá vật liệu xây dựng cả năm 2018 tăng 67% ở mức 275 nghìn đ/m ² ; dẫn đến giá bán trung bình gạch granite tại CMC2 tăng so với giả định tại báo cáo trước. |
| Nợ vay dài hạn (Tỷ VNĐ) | 102,6 | 14,6 | Cập nhật dựa trên BCTC năm 2018 đã kiểm toán của CVT. |
| Lợi nhuận sau thuế | 194,2 | 209,1 | Giả định doanh thu tăng & biên lợi nhuận gộp giữ nguyên kéo theo lợi nhuận trước thuế dự phóng tăng. |

Tổng hợp kết quả định giá

| Tổng hợp định giá FCFF | Giá trị |
|--|----------------|
| Lãi suất chiết khấu | 11,30% |
| Dự đoán tốc độ tăng trưởng dòng tiền dài hạn | 1% |
| Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền doanh nghiệp (triệu VNĐ) | 777.571 |
| (+) Tiền & đầu tư ngắn hạn (triệu VNĐ) | 62.430 |
| (-) Nợ ngắn hạn & dài hạn (triệu VNĐ) | 402.389 |
| Giá trị vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ) | 881.921 |
| Số cổ phiếu lưu hành (triệu) | 36,69 |
| Giá mục tiêu (VNĐ/cp) | 24.037 |
| Tổng hợp định giá FCFE | Giá trị |
| Giá trị hiện tại của dòng tiền vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ) | 907.080 |
| Giá mục tiêu (VNĐ/cp) | 24.722 |

Phụ lục: Chi tiết đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất gói gồm tại nhà máy CMC2 [\(quay lại\)](#)

1. Địa điểm xây dựng: Nhà máy gạch số 2, lô B10, B11 KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
2. Tổng mức đầu tư: 120 tỷ đồng
Trong đó:
 - Xây dựng: 20 – 25 tỷ đồng
 - Thiết bị sản xuất: 95 – 100 tỷ đồng
3. Công suất sản xuất: Từ 3 – 5 triệu đồng
4. Lựa chọn thiết bị: Thiết bị nhập từ châu Âu hoặc Trung Quốc, nhập mới 100%
5. Hình thức chào thầu: Chỉ định thầu
6. Phương thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh
7. Thời gian thực hiện: Dự kiến vào đầu quý 3/2018 và kéo dài trong 6 tháng (180 ngày).

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin & nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn & mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này & các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS nắm giữ 144 cổ phiếu CVT & chuyên viên phân tích không nắm giữ cổ phiếu nào của doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính

52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi,
Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (84.24) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times
Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 6 290 8686
Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng

100, Quang Trung, Phường Thạch
Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà
Nẵng, Việt Nam.
ĐT: (84.236) 3553 666
Fax: (84.236) 3553 888